

Hội thảo khoa học quốc tế: Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2001-2010 và định hướng tới năm 2020

Ngày 24/2/2011, tại Hà Nội, trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp với Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia Nhật Bản tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề “Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2001-2010 và định hướng tới năm 2020”. Hội thảo thu hút gần 200 đại biểu đến từ các cơ quan quản lý nhà nước, các trường đại học, viện nghiên cứu, hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện đang đứng ở điểm nào trên biểu đồ tăng trưởng, những yếu tố nào kìm hãm chất lượng tăng trưởng và làm thế nào để chúng ta vượt qua những trở ngại này...? Đó là những câu hỏi “nóng bỏng” trong bài toán tăng trưởng được đặt ra tại Hội thảo khoa học này.

Theo các tham luận tại Hội thảo, Chính phủ không nên quá tập trung vào chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng. Về chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010, hầu hết các đại biểu đều nhận định: Trong 10 năm qua, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong khu vực và trên thế giới, ngay cả trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn chủ yếu dựa vào các nhân tố theo chiều rộng, chất lượng tăng trưởng

thấp thể hiện thông qua hiệu quả sử dụng các nguồn lực thấp, cấu trúc của tăng trưởng bất hợp lý, năng lực cạnh tranh quốc gia thấp và bất bình đẳng có xu hướng gia tăng...

Bước vào giai đoạn 2011 - 2020, Việt Nam với tư cách là một nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp sẽ đương đầu với những cơ hội và thách thức để thực thi những chiến lược bắt kịp và vượt qua bẫy thu nhập trung bình. Để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2011 – 2020, chất lượng tăng trưởng kinh tế phải bảo đảm tính tăng trưởng bền vững.

Nhiều ý kiến nhất trí cho rằng, để có thể xây dựng và thực hiện các chính sách nói chung và chính sách kinh tế nói riêng một cách có hiệu quả, trong giai đoạn tới, Việt Nam cần: tập trung vào một số vấn đề ưu tiên đến năm 2020; nghiên cứu những ví dụ điển hình trên thế giới từ đó rút kinh nghiệm để xây dựng gói chính sách phù hợp với Việt Nam; xây dựng các bước lập và tổ chức thực hiện chính sách thích hợp để triển khai các chính sách đã lựa chọn; xây dựng cơ chế phối hợp liên bộ, giám sát tiến độ do cấp cao nhất thực hiện...

Bên cạnh đó, Hội thảo cũng nhất trí là, theo kinh nghiệm từ 13 quốc gia trên thế giới thành công về tăng trưởng cao và bền vững, Việt Nam cần chú trọng vào 5 nhân tố: biết khai thác kinh tế thế giới; duy trì được sự ổn định kinh tế vĩ mô; đạt được tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư cao; để thị trường tự do phân bổ nguồn lực và Chính phủ quyết tâm, đáng tin

cậy và đủ năng lực. Đồng thời, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; tiếp tục hoàn thiện thị trường các nhân tố sản xuất; tăng hiệu quả hoạt động các khu vực doanh nghiệp Nhà nước; tăng hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách; tăng chất lượng, hiệu quả và năng lực giám sát và đánh giá thực hiện chính sách; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực điều hành của Nhà nước... nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng hướng tới phát triển bền vững trong thời gian tới.

PV.

Hội thảo về “Đổi mới cơ chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước trong doanh nghiệp”

Ngày 24/11/2011, tại Hà Nội, đã diễn ra Hội thảo “Đổi mới cơ chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước trong doanh nghiệp” do Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế (Bộ Tư pháp), Ban quản lý chương trình 585 và Câu lạc bộ Pháp chế doanh nghiệp phối hợp thực hiện. Tham dự Hội thảo có các đại biểu đại diện đến từ các cơ quan, ban, ngành và các doanh nghiệp, các công ty tư vấn,... trong cả nước.

Các tham luận tại Hội thảo tập trung chủ yếu vào vấn đề quản lý, bảo toàn và sử dụng tài sản nhà nước trong doanh nghiệp. Những ý kiến gây được sự chú ý nhất tại Hội thảo tập trung vào vấn đề cơ chế quản lý và chống thất thoát tài sản nhà nước trong doanh nghiệp hiện nay. Phát biểu khai mạc Hội thảo, PGS. TS. Dương Đăng Huệ nêu rõ: “Việc chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo một môi trường pháp lý bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế là một chủ trương đúng đắn của

Đảng và Nhà nước ta, phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế, quốc tế. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuyển đổi hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước 2003 sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005 thì/đã bộc lộ lỗ hổng pháp lý điều chỉnh việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước trong các doanh nghiệp nhà nước”.

Theo tổng kết của đại diện Cục Tài chính doanh nghiệp, tính đến thời điểm ngày 31/12/2010 các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn còn khoảng trên dưới 1.000 doanh nghiệp. Theo số liệu báo cáo từ 81 tập đoàn, tổng công ty nhà nước thì tính đến thời điểm 30/6/2010, các đơn vị này có số vốn từ chủ sở hữu vào khoảng 572.582 tỷ đồng và tổng tài sản là 1.518.999 tỷ đồng. Trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước kể trên đang có rất nhiều vấn đề cần quan tâm. Hiện có tới 08/81 tập đoàn và tổng công ty nêu trên có tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu lên đến mức gấp từ 3-5 lần vốn chủ sở hữu; 05/81 tập đoàn, tổng công ty có tỷ lệ nợ lớn hơn 10 lần (trong đó có Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam là 2,6 lần; Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 là 18,6 lần; Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 là 16,4 lần; Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 là 13,9 lần,...).

Khi phân tích những bất cập trong việc quản lý tài sản nhà nước trong doanh nghiệp, các đại biểu tham dự Hội thảo cũng thống nhất rằng, phải minh bạch hóa hơn nữa và phải tách bạch được chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý của chủ sở hữu nhà nước đối với các tập đoàn, các tổng công ty. Theo đó, cần xác định đầu

mối chịu trách nhiệm chính theo dõi, kiểm tra, giám sát và tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty một cách thường xuyên, chặt chẽ, đặc biệt là tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và việc chấp hành quy định pháp luật trong quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Tại Hội thảo, nhiều vấn đề bất cập trong quản lý và chịu trách nhiệm đối với tài sản nhà nước hiện nay cũng được các đại biểu đề cập, thảo luận sôi nổi.

Hội thảo lần này là diễn đàn nơi cơ quan quản lý và doanh nghiệp đã tìm được tiếng nói chung nhằm giải quyết vấn đề quản lý tài sản nhà nước trong doanh nghiệp. Những ý kiến được tổng kết từ Hội thảo sẽ được cơ quan chủ trì tổng hợp và đưa vào báo cáo đề xuất với Bộ Tư pháp, bổ sung vào kiến nghị và chương trình xây dựng pháp luật cho Quốc hội khoá XIII sắp tới.

HỒ ĐIỆP

Tọa đàm bàn tròn: Quá trình phát triển của đạo Tin Lành ở Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1975

Vừa qua Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ và Viện Can dự toàn cầu Mỹ (IGE) đã phối hợp tổ chức Tọa đàm bàn tròn *Quá trình phát triển của đạo Tin Lành ở Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1975*.

Tham dự Tọa đàm có các đại biểu đến từ Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Đối ngoại Trung ương, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, Hội Việt Mỹ cùng đông đảo các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, các mục sư trong và ngoài nước với 16 tham luận, trong đó có 2 tham luận của các học giả Hoa Kỳ và Canada.

Mục đích của Tọa đàm là nhằm làm rõ quá trình phát triển cũng như những đóng góp của đạo Tin Lành ở Việt Nam từ 1911 đến 1975, xây dựng mối quan hệ giao lưu, gặp gỡ, trao đổi thông tin giữa các nhà nghiên cứu, các nhà truyền giáo, qua đó tạo sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau giữa Nhà nước Việt Nam với các Giáo hội Tin Lành trong và ngoài nước cũng như giúp các nhà khoa học, các mục sư hiểu rõ hơn chính sách đối mới và công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Nội dung Tọa đàm tập trung vào 3 nhóm chủ đề chính:

1/ Đạo Tin Lành ở Việt Nam – những vấn đề chung.

2/ Phát triển đạo Tin Lành ở Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1995.

3/ Một số đóng góp của đạo Tin Lành và những vấn đề đặt ra cho đạo Tin Lành ở Việt Nam giai đoạn 1911-1975.

Đạo Tin Lành du nhập vào Việt Nam khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX do tổ chức Tin Lành "Liên hiệp phúc âm truyền giáo" truyền bá. Năm 1911, tổ chức này đã xây dựng được cơ sở đầu tiên ở Đà Nẵng, sau đó các Hội thánh Tin Lành lần lượt được xây dựng ở các địa phương khác. Tính đến năm 1954, đạo Tin Lành ở Việt Nam có khoảng 50 nghìn tín đồ với gần 100 mục sư truyền đạo, sau đó phát triển mạnh mẽ với khoảng 20 hệ phái.

Các đại biểu nhận định, nhìn từ mọi phương diện, vấn đề truyền giáo của đạo Tin Lành ở Việt Nam từ năm 1911 đến 1975 tuy vẫn còn những hạn chế nhất định song nhìn chung có thể đánh giá là thành công, có nhiều yếu tố tích cực về xã hội.

Ngoài 3 nhóm chủ đề chính liên quan đến sự phát triển và những đóng góp của đạo Tin Lành ở Việt Nam thời kỳ 1911-1975, các đại biểu còn tập trung phân tích làm rõ vấn đề hội nhập của đạo Tin Lành với văn hóa dân tộc Việt Nam, vai trò của nó đối với những vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước hiện nay.

DƯƠNG PHONG

Tọa đàm: Mô tả và truy cập tài nguyên (RDA) và khả năng ứng dụng tại Việt Nam

Ngày 25/2, tại Hà Nội, Thư viện quốc gia Việt Nam đã tổ chức buổi tọa đàm về nghiệp vụ thư viện với chủ đề: *Mô tả và truy cập tài nguyên (RDA) và khả năng ứng dụng tại Việt Nam* nhằm trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu về RDA, xây dựng lộ trình phát triển tại Việt Nam. Tham gia buổi Tọa đàm có đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Đại sứ Liên bang Australia tại Việt Nam cùng hơn 70 đại biểu là các nhà quản lý và các chuyên gia của Thư viện quốc gia Australia và Thư viện quốc gia Việt Nam, các thư viện thuộc hệ thống thư viện công cộng và thư viện chuyên ngành trong cả nước.

RDA là tên viết tắt của Resource Description and Access do Ủy ban chỉ đạo liên hợp (SJC) (Mỹ) công bố, RDA dựa trên các nguyên tắc biên mục, yêu cầu chức năng cho biểu ghi thư mục (FRBR) và các quy tắc nghiệp vụ cho dữ liệu có thẩm quyền (FRBR) của IFLA. RDA được đánh giá là bộ quy tắc biên mục cho thế kỷ XXI.

Nội dung buổi Tọa đàm thảo luận về các vấn đề như: Giới thiệu về quy tắc biên mục mới RDA; một số khác biệt giữa AACR2 và RDA; ảnh hưởng của

RDA đến các thư viện Việt Nam; RDA và khả năng áp dụng tại các thư viện Việt Nam... Ngoài ra, các chuyên gia ngành thư viện cũng đã đưa ra những ý kiến nhấn mạnh nhiệm vụ nghiên cứu và lựa chọn lộ trình áp dụng RDA vào Việt Nam.

Bên cạnh đó, các đại biểu cũng tập trung thảo luận, làm rõ:

1. Nội dung cơ bản của RDA, những khác biệt với các quy tắc biên mục trước đó, đặc biệt là những quy tắc biên mục mới được thể hiện thông qua FRBR và FRAD.

2. Các thay đổi cần có của MARC21 với RDA, khả năng chuyển đổi các biểu ghi đã có sang RDA.

3. Các thư viện Việt Nam có cần áp dụng RDA? Trường hợp không áp dụng RDA thì nên sử dụng bộ quy tắc nào: AACR2, ISBD, Dublin Core, XML...?

4. Sự phối hợp của các thư viện, trung tâm thông tin... trong nghiên cứu, áp dụng RDA tại Việt Nam...

RDA tiêu chuẩn mới về nội dung của siêu dữ liệu được sử dụng để hỗ trợ việc phát hiện, nhận dạng và sử dụng tài nguyên thông tin. Trước mắt, tiêu chuẩn mới này sẽ phát triển ứng dụng trong công tác thư viện, sau đó cải tiến để thích hợp với các ngành như: lưu trữ, bảo tàng, xuất bản...

Kết thúc Tọa đàm, ban tổ chức mong muốn nhận thêm nhiều ý kiến đóng góp từ các nhà khoa học ngành thư viện về Bộ quy tắc biên mục RDA và các đề án áp dụng RDA tại thư viện Việt Nam trong thời gian tới.

PHẠM THANH HUYỀN